

Bản án số: 58/2024/HSST

Ngày: 28/6/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhài.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Huy Hoàng
2. Bà Hà Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khánh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Ông Nông Anh Vượng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 41/2024/TLST- HS ngày 22 tháng 5 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

Lê Công T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 17/5/2000 tại Thái Nguyên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm Đ, xã A, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn H (đã chết) và con bà: Đỗ Thị N; vợ: Ngô Thị Ngọc N1 và có 01 con, sinh ngày 19/4/2024; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2023. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. (Có mặt)

*** Người bào chữa cho bị cáo do Đoàn luật sư tỉnh T cử:** Bà Hoàng Thị H1 – Luật sư, văn phòng L2, thuộc Đoàn luật sư tỉnh T. (Có mặt).

*** Người chứng kiến:**

Anh Phạm Tùng L, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Trú tại: Tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 45 phút ngày 23/12/2023, tại khu vực xóm C, xã S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh T bắt người phạm tội quả tang đối với Lê Công T, sinh năm 2000, trú tại xóm Đ, xã A,

huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”, thu giữ: Tại túi áo khoác bên trái T đang mặc 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa các cục chất tinh thể màu trắng và 01 túi nilon màu xanh bên trong có chứa 197 viên nén màu hồng, T khai nhận là ma túy đá và hồng phiến của T để bán kiếm lời (niêm phong ký hiệu Q1). Ngoài ra còn thu giữ của T 01 điện thoại di động nhãn Iphone vỏ màu xanh (niêm phong ký hiệu Q2), số tiền 500.000 đồng; 01 căn cước công dân mang tên Lê Công T. Cơ quan điều tra đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đưa T về trụ sở để điều tra làm rõ.

Cùng ngày cơ quan điều tra tiến hành khám xét chỗ ở của Lê Văn T1 tại xóm Đ, xã A, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên nhưng không phát hiện thu giữ gì.

Tiến hành mở niêm phong cân xác định khối lượng, lấy mẫu gửi giám định đối với chất tinh thể, viên nén thu giữ của T1, kết quả: Trong bì niêm phong Q1: Số chất tinh thể màu trắng có khối lượng 19,966 gam, lấy 0,866 gam làm mẫu gửi giám định ký hiệu bì G, còn lại niêm phong lưu kho; 197 viên nén màu hồng có khối lượng 16,414 gam, lấy 05 viên có khối lượng 0,42 gam làm mẫu gửi giám định ký hiệu G1, còn lại niêm phong lưu kho.

Tại bản kết luận giám định số 98/KL-KTHS ngày 31/12/2023 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Chất tinh thể màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu G thu giữ của Lê Công T gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng thu giữ ban đầu là 19,966 gam. Các viên nén màu hồng trong bì niêm phong ký hiệu G1 thu giữ của Lê Công T gửi giám định là chất ma túy loại Methamphetamine, khối lượng thu giữ ban đầu là 16,414 gam.

Quá trình điều tra Lê Văn T1 khai nhận như sau: Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 22/12/2023 có một người nữ giới (không rõ họ tên và địa chỉ) gọi điện thoại cho T1 đặt mua của T1 01 túi ma túy tổng hợp hồng phiến và 01 túi ma túy tổng hợp dạng đá với giá thỏa thuận là 7.500.000 đồng/01 túi. T1 đồng ý hẹn 14 giờ ngày 23/12/2023 hai bên gặp nhau tại khu vực đường dân sinh thuộc xóm C, xã S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên để trực tiếp mua bán ma túy. Để có ma túy bán, khoảng 20 giờ ngày 22/12/2023 T1 đến khu vực đường C - B thuộc xã V, huyện P, tỉnh Thái Nguyên gặp một người nam giới (không rõ họ tên, địa chỉ) và mua của người này 01 túi ma túy tổng hợp hồng phiến hết số tiền 7.000.000 đồng, T1 đem về nơi ở cất giấu. Đến khoảng 10 giờ ngày 23/12/2023 T1 liên lạc qua điện thoại với Phạm Văn L1, sinh năm 1987, nhà ở tổ dân phố G, thị trấn G, huyện P, tỉnh Thái Nguyên để hỏi mua chịu 01 túi ma túy tổng hợp dạng đá với giá thỏa thuận 7.000.000 đồng. L1 hẹn T1 đến khu vực gần ngã ba B thuộc xã C, huyện P, tỉnh Thái nguyên để hai bên trực tiếp mua bán ma túy. Sau đó, T1 đến điểm hẹn gặp L1, tại đây T1 đã mua của L1 01 túi ma túy tổng hợp dạng đá hết số tiền 7.000.000 đồng rồi tiếp tục đem về nơi ở cất giấu cùng số ma túy mua được trước đó. Đến khoảng 13 giờ 45 phút ngày 23/12/2023 T1 cất giấu toàn bộ số ma túy tổng hợp dạng đá và hồng phiến đã mua vào trong túi áo khoác bên trái đang mặc trên người, rồi đi đến khu vực đường dân sinh thuộc địa phận xóm C, xã S, thành phố T để bán, nhưng chưa kịp bán thì bị cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang thu giữ toàn bộ số vật chứng nêu trên.

Tại Cáo trạng số 58/CT-VKS ngày 20/5/2024 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Lê Công Thành về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo T1 khai nhận hành vi phạm tội của mình như trong quá trình điều tra, bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là đúng, không oan.

Phân luận tội tại phiên tòa hôm nay, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Công T từ 15 năm đến 16 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Phạt bổ sung cho bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Số vật chứng thu giữ của bị cáo T là ma túy không có giá trị sử dụng tịch thu tiêu hủy. Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động IPHONE. Trả lại cho bị cáo 01 căn cước công dân mang tên Lê Công T. Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo 500.000 đồng

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo: Tóm tắt lại nội dung vụ án, luật sư nhất trí với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố và luận tội đối với bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 bộ luật hình sự. Bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bố chết, mẹ không có nghề nghiệp, vợ mới sinh con, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; giảm hoặc có thể miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận bị cáo phạm tội mua bán trái phép chất ma túy có tính chất lợi nhuận nên cần thiết phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền sung quỹ nhà nước, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm.

Bị cáo nhất trí với nội dung bào chữa của luật sư, không bổ sung gì. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo cải tạo sớm trở về gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa người chứng kiến vắng mặt nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử.

[2] Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều là hợp pháp.

[3]. Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Do hám lời, hồi 13 giờ 45 phút ngày 23/12/2023 tại xóm C, xã S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Lê Công T có hành vi cất giấu trong người 36,38 gam ma túy, loại Methamphetamine mục đích để bán, nhưng chưa kịp bán thì bị cơ quan Công an tỉnh T bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với bị cáo Lê Công T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Điều 251 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù 15 năm đến 20 năm:

b, Methamphetamine... có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam”.

[4]. Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, hành vi của bị cáo là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự, buộc bị cáo phải cách ly xã hội để cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời răn đe, phòng chống tội phạm chung.

[5]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo chưa có tiền án tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[6]. Về hình phạt chính và hình phạt bổ sung: Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, nhân thân cùng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần xem xét xử phạt bị cáo mức án phù hợp theo quy định của pháp luật.

Bị cáo phạm tội có tính chất lợi nhuận cần phạt bổ sung cho bị cáo một khoản tiền theo khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự.

[7]. Vật chứng vụ án:

- Các phong bì ký hiệu: G, G1, L, L1, V là ma túy + vỏ túi ni lon và vỏ niêm phong cũ không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

- 01 căn cước công dân mang tên Lê Công T là giấy tờ tùy thân của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

- 01 chiếc điện thoại di động thu giữ của bị cáo: Bị cáo khai dùng vào việc liên lạc để mua bán trái phép chất ma túy, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Số tiền 500.000 đồng thu giữ của bị cáo cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm quy định của pháp luật.

[9]. Như phân tích trên xét mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị của luật sư Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[10]. Về nguồn gốc số ma túy, T khai đã mua của một người nam giới không rõ họ tên, địa chỉ và mua của Phạm Văn L1. Cơ quan điều tra đã khám xét khẩn cấp nơi ở của L1 nhưng không phát hiện thu giữ gì; bản thân L1 không có mặt tại địa phương cơ quan điều tra kết luận tiếp tục xác minh làm rõ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Lê Công T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Công T 15 (Mười lăm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/12/2023.

Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

2. Vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 niêm phong ký hiệu G trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Nguyễn Thành T2, Phan Thanh H2 và hình dấu tròn đỏ của Phòng K - Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: Hoàn trả 0,735 gam mẫu G và vỏ bao mẫu G vụ: Lê Công T sinh năm 2000 phạm tội về ma túy;

+ 01 niêm phong ký hiệu G1 trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Nguyễn Thành T2, Phan Thanh H2 và hình dấu tròn đỏ của Phòng K - Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: Hoàn trả 0,340 gam mẫu G1 và vỏ bao mẫu G1 vụ: Lê Công T sinh năm 2000 phạm tội về ma túy;

+ 01 niêm phong ký hiệu L trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Lê Công T cùng thành phần tham gia và hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: 19,100 gam (Mười chín phẩy một trăm gam) chất tinh thể màu trắng thu giữ của Lê Công T ngày 23/12/2023;

+ 01 niêm phong ký hiệu L1 trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Lê Công T cùng thành phần tham gia và hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: 192 viên nén màu hồng khối lượng 15,994g. Vật chứng thu giữ của Lê Công T ngày 23/12/2023;

+ 01 niêm phong ký hiệu V trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Lê Công T cùng thành phần tham gia và hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: vỏ túi nilon và vỏ niêm phong ký hiệu QI;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE đựng trong 01 niêm phong ký hiệu Đ1 trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Lê Công T, thành phần tham gia và hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE vỏ màu xanh, số IMEI: 353044113910427, gắn thẻ sim số thuê bao 0862.268.165.

- Trả lại cho bị cáo: 01 căn cước công dân số 019200009452 cấp ngày 18/3/2023 mang tên Lê Công T;

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo: 500.000 đồng

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng số 75 ngày 23/4/2024 giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T với Cục THADS tỉnh T và ủy nhiệm chi số 59 ngày 24/4/2024).

3. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- TANDTC; TANDCC; Sở tư pháp;
- VKSNDCC; VKSND tỉnh TN;
- Công an tỉnh TN; Trại tạm giam;
- Cục THADS tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Nhài